ViewSonic®

Khe cắm trong môdun máy tính VPC16-WP_VPC17-WP (dùng cho dòng IFP50)

Hướng dẫn khởi động nhanh

Số mẫu máy VS17668

Thông tin tuân thủ

LƯU Ý: Phần này giải quyết mọi yêu cầu và tuyên bố liên quan đến các quy định. Những ứng dụng tương ứng đã xác nhận sẽ đề cập đến các nhãn trên biển hiệu và nhãn hiệu liên quan trên thiết bị.

Tuyên bố tuân thủ FCC

Thiết bị này tuân thủ phần 15 của Quy định FCC. Hoạt động của thiết bị phải tuân thủ hai điều kiện sau: (1) thiết bị này có thể không gây nhiễu sóng có hại, và (2) thiết bị này phải chấp nhận mọi hiện tượng nhiễu sóng thu được, kể cả nhiễu sóng có thể gây ra hoạt động không mong muốn.
Thiết bị này đã được thử nghiệm và chứng minh là tuân thủ các giới hạn về thiết bị số Loại B theo Phần 15 của Quy định FCC. Các giới hạn này được thiết kế để giúp bảo vệ thích hợp đối với hiện tượng nhiễu sóng có hại trong hệ thống lắp đặt chung cư. Thiết bị này tạo ra, sử dụng và có thể phân tán năng lượng tần số vô tuyến và nếu không được lắp đặt và sử dụng theo các hướng dẫn có thể gây ra nhiễu sóng có hại cho các phương tiện liên lạc vô tuyến. Tuy nhiên, không có sự đảm bảo rằng việc nhiễu sóng sẽ không xảy ra trong hệ thống lắp đặt đặc biệt. Nếu thiết bị này gây nhiễu sóng có hại cho việc thu sóng vô tuyến hay truyền hình vốn có thể được xác định bằng cách bật và tắt thiết bị liên quan, người dùng nên cố gắng khắc phục hiện tượng nhiễu sóng qua một hoặc nhiều cách sau:

- Đổi hướng hoặc bố trí lại ăngten thu sóng.
- Tăng khả năng tách sóng giữa thiết bị và máy thu.
- Cắm thiết bị vào ổ cắm trên một mạch khác với ổ cắm máy thu.
- Hãy tham khảo ý kiến của đại lý phân phối hoặc kỹ thuật viên vô tuyến/truyền hình có kinh nghiệm để được trợ giúp.

Lưu ý: Lưu ý rằng các thay đổi hoặc sửa đổi chưa được chấp nhận hoàn toàn bởi bên chịu trách nhiệm tuân thủ có thể vô hiệu hóa quyền của bạn để dùng thiết bị này.

Tuyên bố về công nghiệp Canada

CAN ICES-3 (B)/NMB-3(B)
Chứa mã số FCC: PD99260NG
Mã số IC: 1000M-9260NG

Tuân thủ nhãn CE đối các quốc gia châu Âu

CE Thiết bị tuân thủ Chỉ thị EMC 2014/30/EU và Chỉ thị điện áp thấp 2014/35/EU.

Thông tin sau đây chỉ áp dụng các quốc gia thành viên EU:
Nhãn hiệu hiển thị ở bên phải tuân thủ Chỉ thị Thiết bị Điện và Điện tử Rác thải 2012/19/EU (WEEE). Nhãn hiệu này cho biết yêu cầu KHÔNG được thải bỏ thiết bị như rác thải đô thị chưa phân loại, nhưng sử dụng hệ thống thu hồi và thu gom theo luật của nước sở tại.

Hạn chế các chất nguy hại của Ấn Độ

Hạn chế về Tuyên bố Chất Nguy hại (Ấn Độ). Sản phẩm này tuân thủ "Quy định về rác thải điện tử Ấn Độ năm 2011" và cấm sử dụng chì, thủy ngân, crôm hóa trị sáu, polybromhenat biphenyl hoặc ête diphenyl polybromin với nồng độ vượt quá 0.1% trọng lượng và 0.01% trọng lượng catmi, ngoại trừ các khoản miễn trừ được quy định trong Phụ lục 2 của Quy định.

Tuyên bố tuân thủ RoHS2

Sản phẩm này đã được thiết kế và sản xuất theo Chỉ thị 2011/65 /EU của Nghị viện châu Âu và Hội đồng về việc hạn chế sử dụng một số chất nguy hại trong thiết bị điện và điện tử (Chỉ thị RoHS2) và được xem là tuân thủ các giá trị về nồng độ tối đa do Ủy ban Điều chỉnh Kỹ thuật châu Âu (TAC) ban hành như sau:

Chất liệu	Nồng độ tối đa đề xuất	Nông độ thực tế
Chì (Pb)	0.1%	< 0.1%
Thủy ngân (Hg)	0.1%	< 0.1%
Catmi (Cd)	0.01%	< 0.01%
Crôm hóa trị sáu (Cr^{6+})	0.1%	< 0.1%
Polybrominated biphenyl (PBB)	0.1%	< 0.1%
Ête diphenyl polybrominated (PBDE)	0.1%	< 0.1%

**Một số thành phần của những sản phẩm nêu trên được miễn tuân thủ Phụ lục III của Chỉ thị RoHS2 như ghi chú dưới đây:

Ví dụ về các thành phần được miễn trừ gồm:

1. Chì trong kính của đèn tia cực âm
2. Chì trong kính của đèn huỳnh quang không quá 0.2% trọng lượng
3. Chì như một thành phần hợp kim trong nhôm chứa đến 0.4% trọng lượng chì
4. Hợp kim đồng có chứa đến 4% trọng lượng chì
5. Chì trong chất bán dẫn loại nhiệt độ nóng chảy cao (ví dụ như các hợp kim chì chứa từ 85% trọng lượng trở lên)
6. Các thành phần điện và điện tử chứa chì trong kính hoặc gốm sứ khác so với gốm sứ cách điện trong các tụ điện, ví dụ như các thiết bị điện áp, hoặc trong hợp chất ma trận thủy tinh hoặc gốm sứ.

1. Giao diện

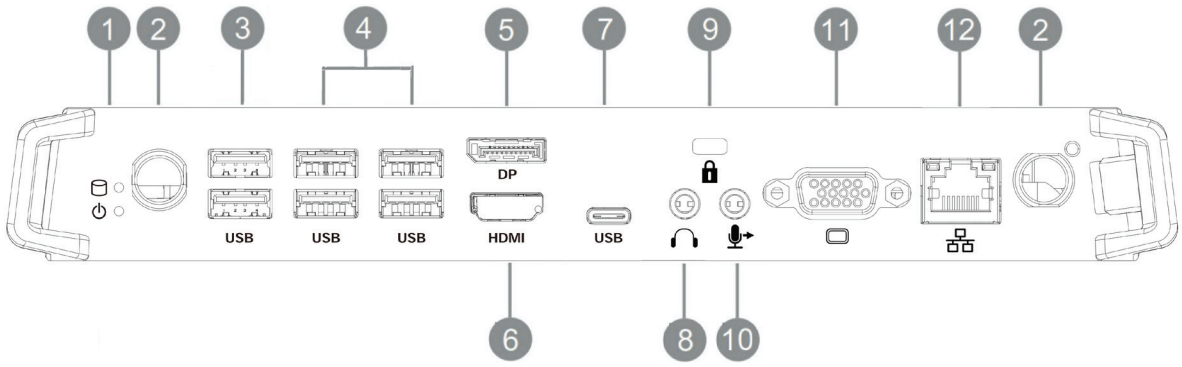

Mục	Mô tả
1	Đèn báo hoạt động
2	Giao diện ăngten Wi-Fi
3	Giao diện USB 2.0
4	Giao diện USB 3.0
5	Kết nối màn hình với đầu nối DisplayPort
6	Đã kết nối với thiết bị bằng chức năng đầu vào HDMI
7	Giao diện USB type C
8	Kết nối thiết bị với tai nghe hoặc loa
9	Khóa chống trộm
10	Kết nối với micro
11	Kết nối màn hình với đầu nối VGA-IN
12	Giao diện kết nối internet RJ45 (10M/100M/1G) chuẩn (Cổng mạng này chỉ sử dụng cho máy tính cá nhân)

2. Cài đặt

2-1

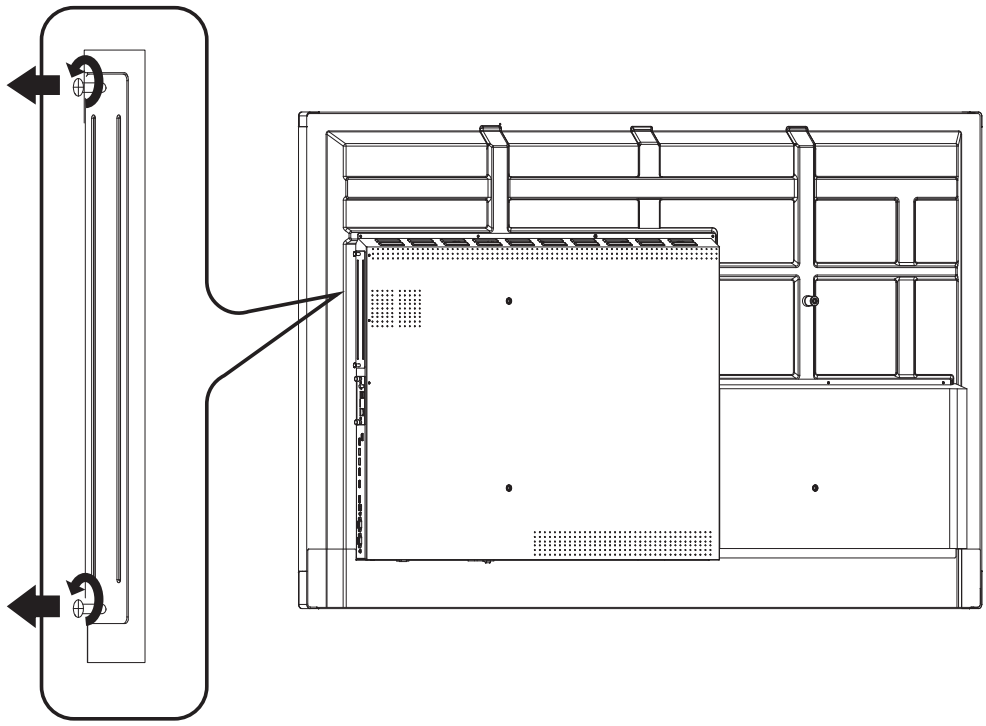

2-2

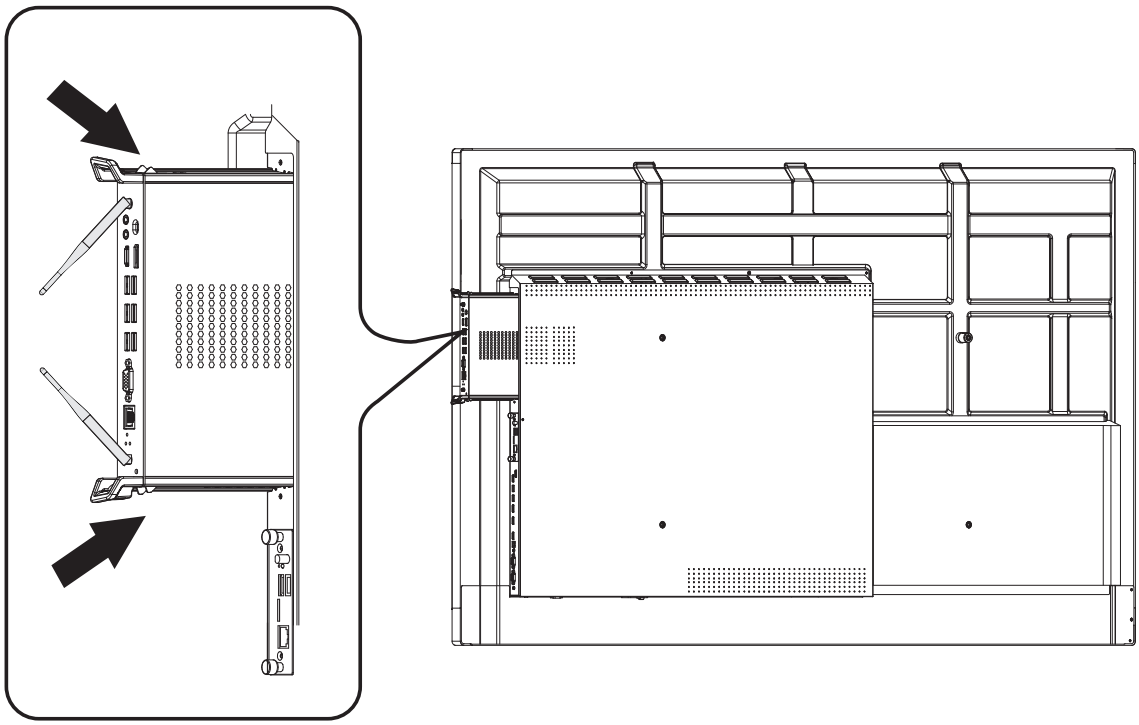

2-3

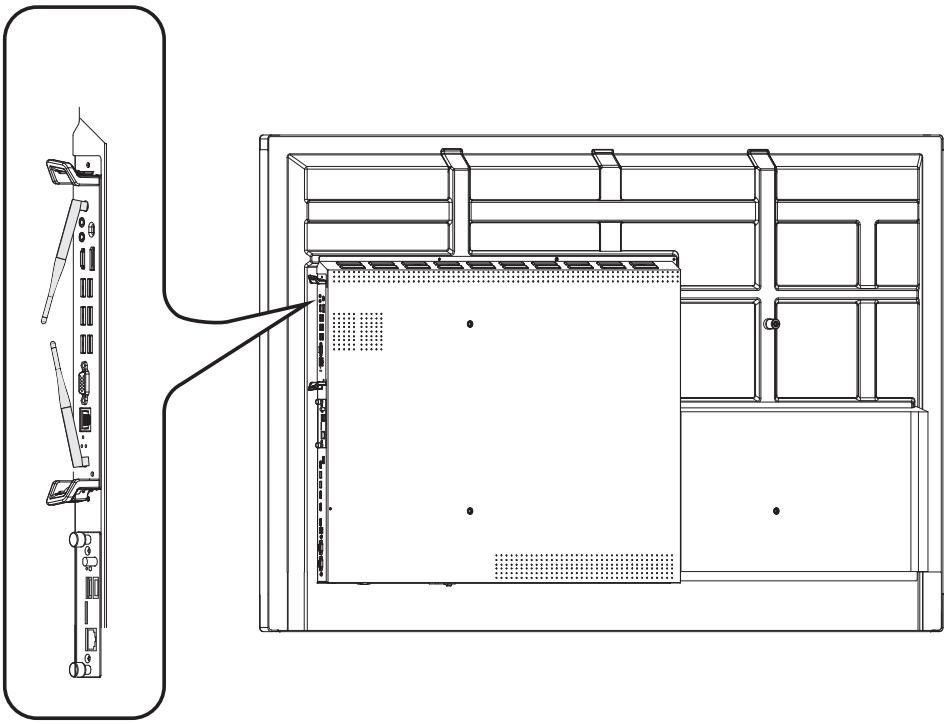

3. Kết nối internet

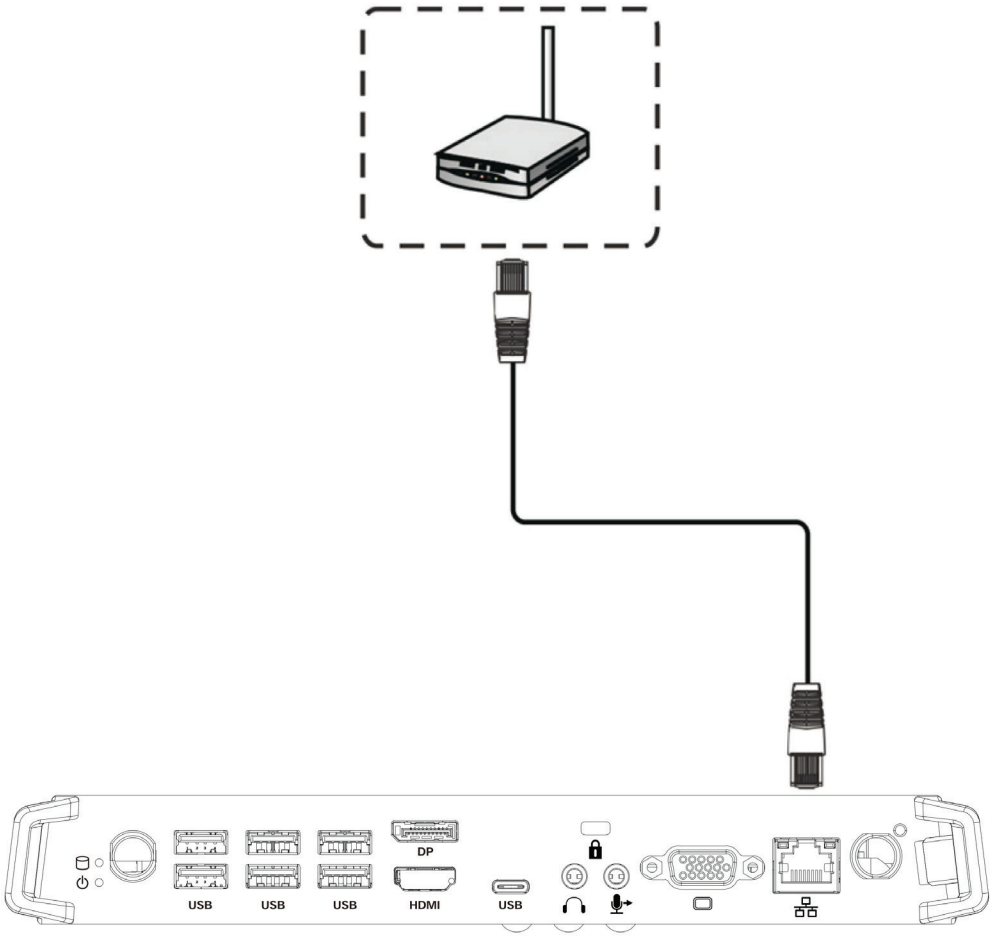

4. Lựa chọn đầu vào

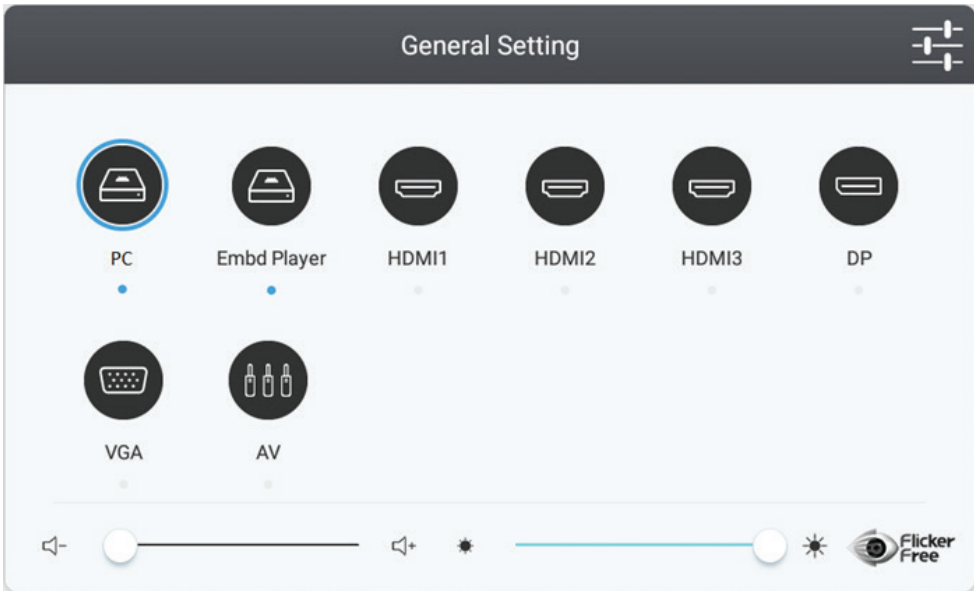

1. Nhấn nút INPUT trên điều khiển từ xa để hiển thị menu cài đặt đầu vào, sau đó nhấn DOWN để vào menu nguồn đầu vào.
2. Nhấn DOWN/UP/LEFT/RIGHT để chọn máy tính.
3. Nhấn nút Enter trên điều khiển từ xa hoặc nhấp bằng bút cảm ứng để chọn nguồn đầu vào.
4. Nhấn phím EXIT trên điều khiển từ xa hoặc nhấp vào vùng trống bên ngoài menu bằng bút cảm ứng để thoát menu trên màn hình.

5. Kết nối USB

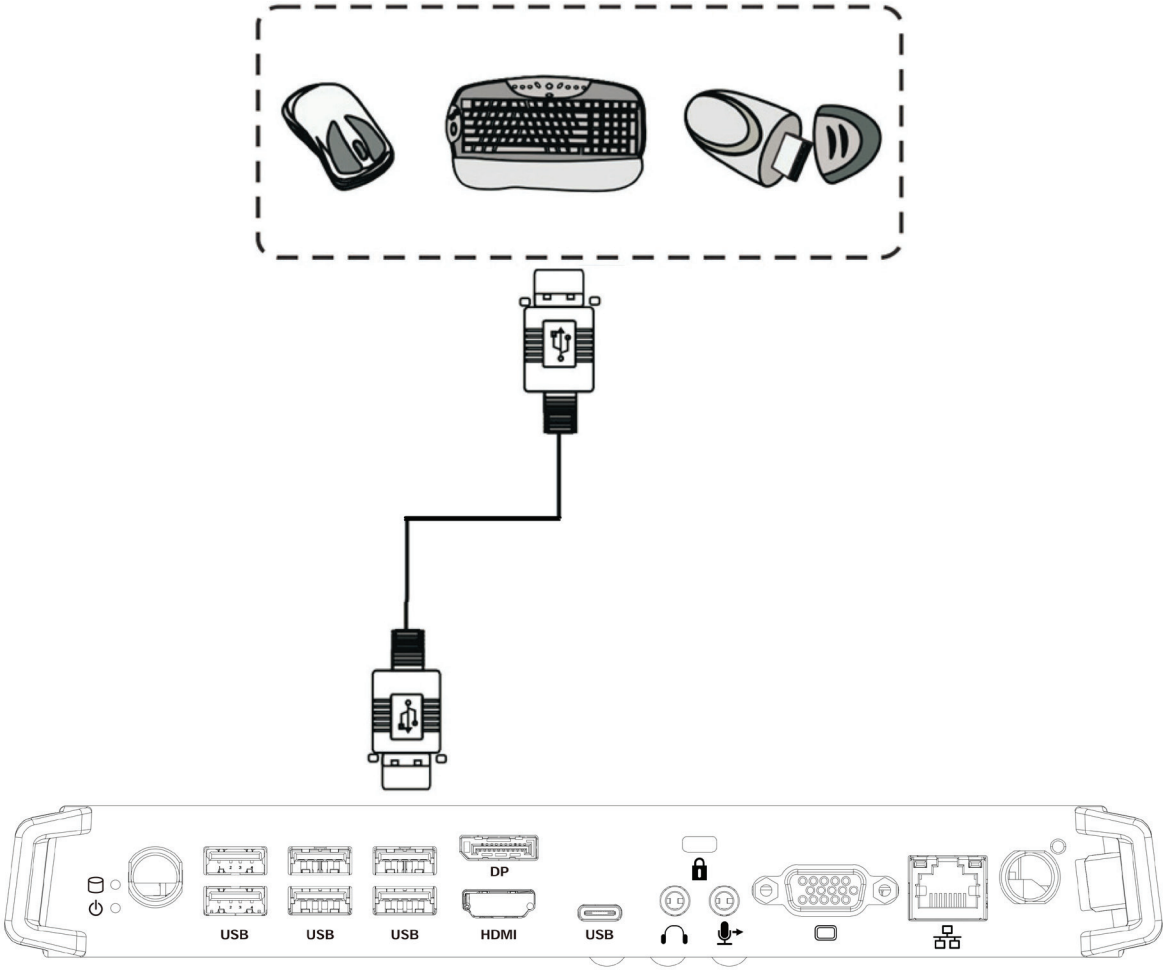

INTEL UNITE ® SOLUTION - QUICK START GUIDE

1 Giới thiệu

Tài liệu này cung cấp nội dung tham khảo nhanh cho một số tính năng cơ bản của ứng dụng máy khách Intel Unite®.

Tham khảo *Hướng dẫn triển khai giải pháp Intel Unite®* để biết thêm thông tin về cách thiết lập máy chủ, hub (trung tâm mạng) và máy khách.

Tham khảo *Hướng dẫn sử dụng giải pháp Intel Unite®* để biết thêm chi tiết về cách sử dụng hub và máy khách.

Tài liệu này giả định rằng hub và máy khách đã được thiết lập với ứng dụng hub đang chạy, ứng dụng máy khách đã cài đặt và máy khách đã đăng ký với máy chủ giải pháp Intel Unite®.

2 Kết nối

Hình 2.1 Màn hình hub 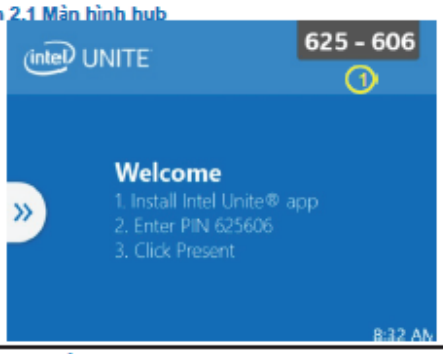	**Trên hub** 1. Ghi nhớ mã PIN hiển thị trên màn hình hub.
Hình 2.2 Biểu tượng ứng dụng Intel Unite® 	**Trên máy khách** 2. Khởi chạy ứng dụng máy khách Intel Unite®.
Hình 2.3 Màn hình nhập mã PIN máy khách 	**Trên máy khách** 3. Nhập mã PIN vào ứng dụng máy khách.
Hình 2.4 Màn hình kết nối máy khách 	**Trên máy khách** 4. Đây là giao diện xem của máy khách sau khi kết nối với hub.

3 Thuyết trình

Hình 3.1 Màn hình kết nối máy khách

1. Kết nối với hub. Tham khảo Kết nối ở trang 6.
2. Nhấp nút **Present (Thuyết trình)**.

Hình 3.2 Màn hình thuyết trình máy khách

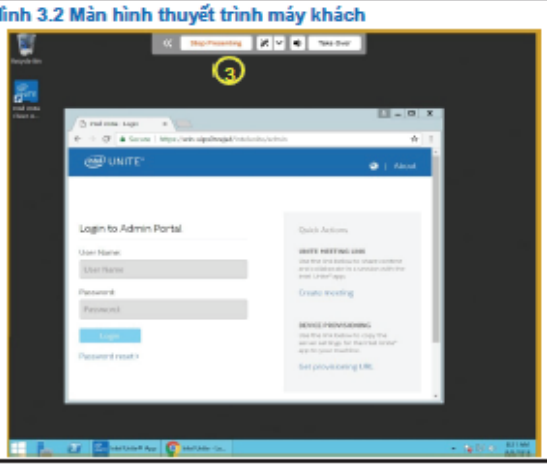

3. Máy khách hiện đang thuyết trình màn hình được chỉ định bằng viền màu cam và bảng điều khiển ở phía trên.

   Lưu ý: Nút **Take Over (Tiếp nhận)** chỉ khả dụng khi nhiều người dùng đang thuyết trình trên cùng một màn hình hub.

3.1 Màn hình thuyết trình

Hình 3.1.1 Màn hình kết nối máy khách

1. Kết nối với hub. Tham khảo Kết nối để biết thêm chi tiết.
2. Nhấp biểu tượng **more options (tùy chọn khác)** bên cạnh nút **Present (Thuyết trình)**.

Hình 3.1.2 Tùy chọn màn hình thuyết trình máy khách

3. Chọn **Screen (Màn hình)**.
4. Chọn màn hình cần hiển thị.
5. Chọn màn hình hiển thị hub cần thuyết trình.
6. Nhấp nút **Present (Thuyết trình)**.

Hình 3.1.3 Màn hình thuyết trình máy khách

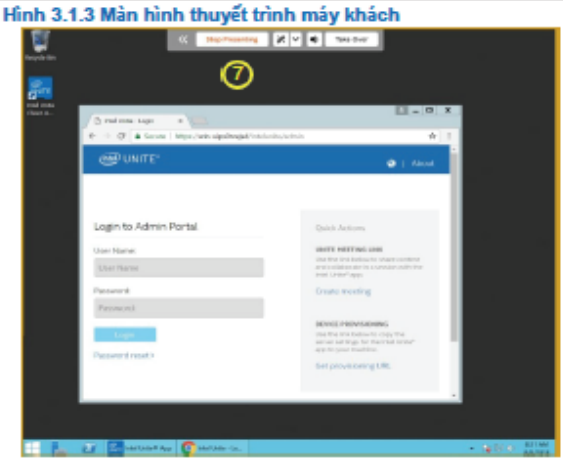

7. Máy khách hiện đang thuyết trình màn hình như được chỉ định bằng bảng điều khiển ở phía trên và viền màu vàng quanh màn hình.

   Lưu ý: Nút **Take Over (Tiếp nhận)** chỉ khả dụng khi nhiều người dùng đang thuyết trình trên cùng một màn hình hub.

Hình 3.1.4 Thanh điều khiển thuyết trình

Tùy chọn thanh điều khiển:

A. Thu nhỏ bảng điều khiển
B. Dừng thuyết trình
C. Bật/tắt ghi chú thích
D. Tùy chọn chú thích nâng cao
E. Tắt/bật âm thanh trong khi phát lại video
F. Tiếp nhận thuyết trình
G. Bật/tắt điều khiển màn hình

Lưu ý:
Nút **Take Over (Tiếp nhận)** chỉ khả dụng khi nhiều người dùng đang thuyết trình trên cùng một màn hình hub.
Nút **Screen Control (Điều khiển màn hình)** hiển thị khi màn hình hub có tính năng cảm ứng.

3.2 Ứng dụng thuyết trình

Hình 3.2.1 Màn hình kết nối máy khách 	1. Kết nối với hub. Tham khảo Kết nối để biết thêm chi tiết. 2. Nhấp biểu tượng **more options (tùy chọn khác)** bên cạnh nút **Present (Thuyết trình)**.
Hình 3.2.2 Tùy chọn ứng dụng thuyết trình máy khách 	3. Chọn **Application (Ứng dụng)**. 4. Chọn ứng dụng cần hiển thị. 5. Nhấp nút **Present (Thuyết trình)**.
Hình 3.2.3 Màn hình ứng dụng thuyết trình máy khách 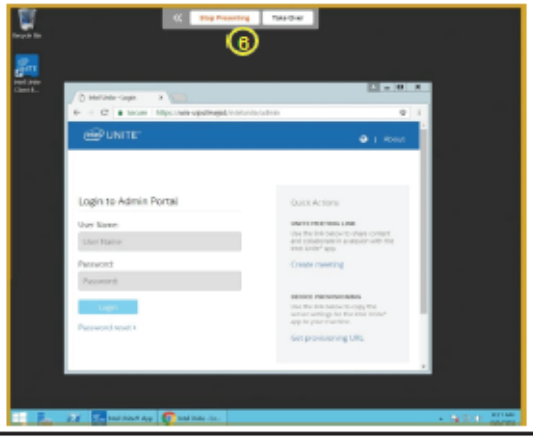	6. Máy khách hiện đang thuyết trình ứng dụng như được chỉ định bằng bảng điều khiển ở phía trên và viền màu vàng quanh ứng dụng. Khi thuyết trình một ứng dụng, thanh điều khiển sẽ trông khác với thanh hiển thị khi thuyết trình màn hình. **Lưu ý:** Nút **Take Over (Tiếp nhận)** chỉ khả dụng khi nhiều người dùng đang thuyết trình trên cùng một màn hình hub.

3.2 Ứng dụng thuyết trình

Hình 3.2.1 Màn hình kết nối máy khách 	1. Kết nối với hub. Tham khảo Kết nối để biết thêm chi tiết. 2. Nhấp biểu tượng **more options (tùy chọn khác)** bên cạnh nút **Present (Thuyết trình)**.
Hình 3.2.2 Tùy chọn ứng dụng thuyết trình máy khách 	3. Chọn **Application (Ứng dụng)**. 4. Chọn ứng dụng cần hiển thị. 5. Nhấp nút **Present (Thuyết trình)**.
Hình 3.2.3 Màn hình ứng dụng thuyết trình máy khách 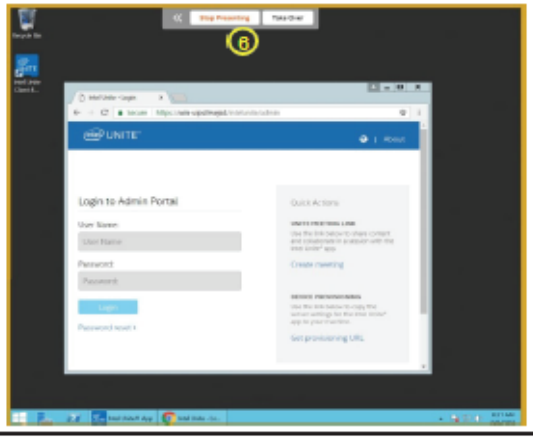	6. Máy khách hiện đang thuyết trình ứng dụng như được chỉ định bằng bảng điều khiển ở phía trên và viền màu vàng quanh ứng dụng. Khi thuyết trình một ứng dụng, thanh điều khiển sẽ trông khác với thanh hiển thị khi thuyết trình màn hình. **Lưu ý:** Nút **Take Over (Tiếp nhận)** chỉ khả dụng khi nhiều người dùng đang thuyết trình trên cùng một màn hình hub.

4 Xem

Hình 4.1 Màn hình kết nối máy khách 	1. Kết nối với hub. Tham khảo Kết nối để biết thêm chi tiết. 2. Một người dùng khác bắt đầu thuyết trình. 3. Nhấp người dùng có bài thuyết trình bạn muốn xem. Giao diện xem sẽ khác nhau nếu người thuyết trình chia sẻ một màn hình hoặc ứng dụng.
Hình 4.2 Màn hình xem - thuyết trình máy khách 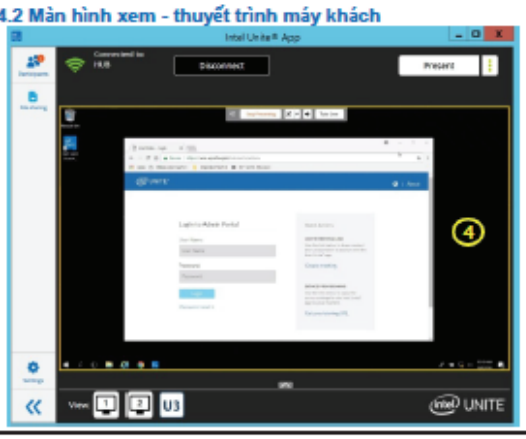 	4. Hình 4.2 hiển thị màn hình xem bài thuyết trình máy khách.

5 Chú thích

Hình 5.1 Màn hình thuyết trình máy khách

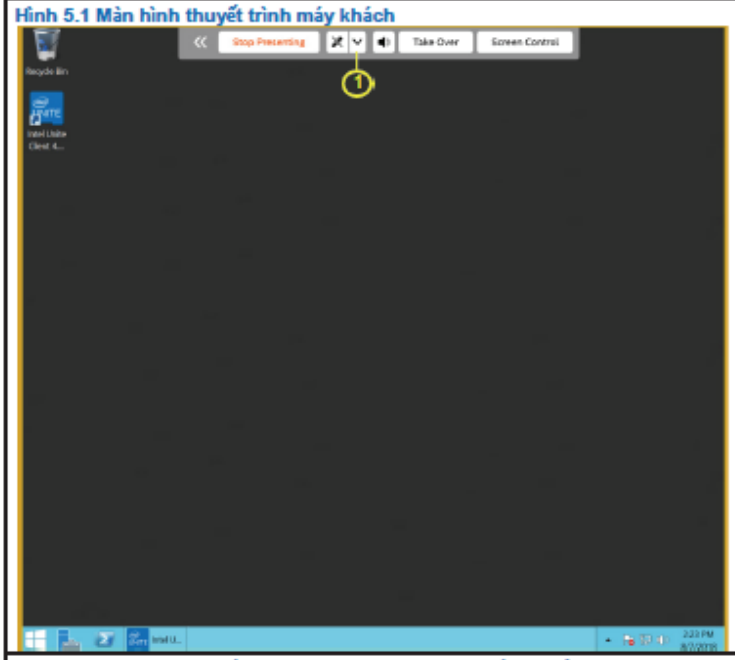

1. Khi đang thuyết trình, nhấp **mũi tên xuống** bên cạnh biểu tượng bút chì. Tham khảo Màn hình thuyết trình để biết thêm chi tiết. Viền màu cam sẽ hiển thị khi thuyết trình.

Lưu ý:
Nút **Take Over (Tiếp nhận)** chỉ khả dụng khi nhiều người dùng đang thuyết trình trên cùng một màn hình hub.
Nút **Screen Control (Điều khiển màn hình)** hiển thị khi màn hình hub có tính năng cảm ứng.

Hình 5.2 Màn hình thuyết trình máy khách với bảng điều khiển chú thích đang mở

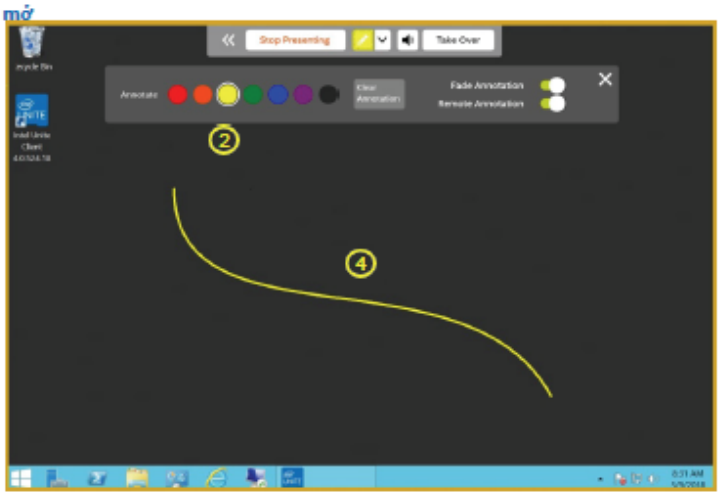

2. Chọn màu mực.
3. Nhấp biểu tượng **bút chì**. Biểu tượng này sẽ đổi màu để trùng với màu mực vừa chọn.
4. Nhấp hoặc chạm và kéo để ghi chú thích.

Lưu ý: Các chú thích tương thích với màn hình hỗ trợ tính năng cảm ứng (chạm và kéo) cũng như các thiết bị chuột (nhấp và kéo).

6 Chia sẻ tập

Hình 6.1 Màn hình kết nối máy khách 	1. Kết nối với hub. Tham khảo Kết nối để biết thêm chi tiết. 2. Nhấp biểu tượng **File Sharing (Chia sẻ tập tin)**.
Hình 6.2 Màn hình chia sẻ tập tin máy khách 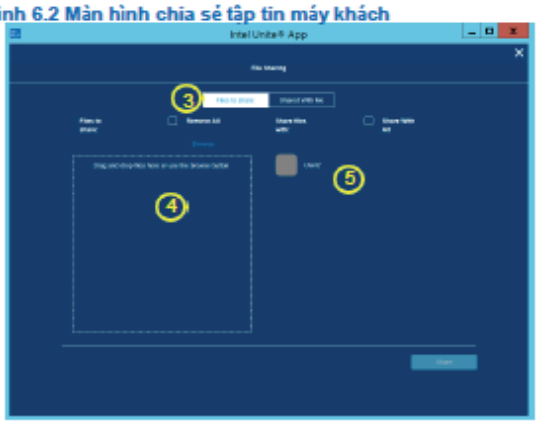	3. Chọn **Files to share (Tập tin cần chia sẻ)**. 4. Kéo và thả các tập tin cần chia sẻ. 5. Chọn **User (Người dùng)** để chia sẻ các tập tin.
Hình 6.3 Màn hình chia sẻ tập tin máy khách với các tập tin vừa chọn 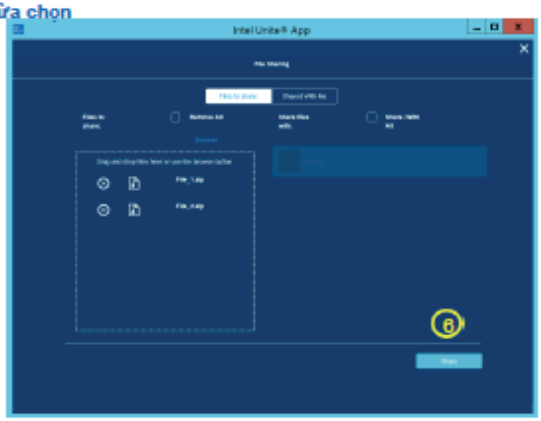	6. Nhấp nút **Share (Chia sẻ)**.

7 Nhận tập tin

Hình 7.1 Màn hình kết nối máy khách 	**Ví dụ:** Một người dùng khác đã chia sẻ các tập tin với người dùng này. 1. Nhấp biểu tượng **File Sharing (Chia sẻ tập tin)**. Chú ý vòng tròn màu cam chứa một số bên trong nó bên cạnh biểu tượng File Sharing. Số này là số lượng tập tin đang được chia sẻ với người dùng.
Hình 7.2 Màn hình chia sẻ tập tin máy khách 	2. Chọn **Shared With Me (Đã chia sẻ với tôi)**.
Hình 7.3 Màn hình Đã chia sẻ với tôi máy khách 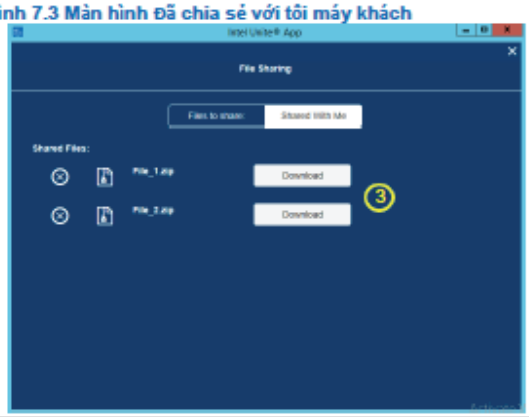	3. Nhấp nút **Download (Tải về)** để tải về tập tin.

8 Khóa cuộc

Hình 8.1 Màn hình kết nối máy khách 	1. Kết nối với hub. Tham khảo Kết nối để biết thêm chi tiết. 2. Nhấp biểu tượng **Participants (Người tham gia)**.
Hình 8.2 Màn hình người tham gia máy khách 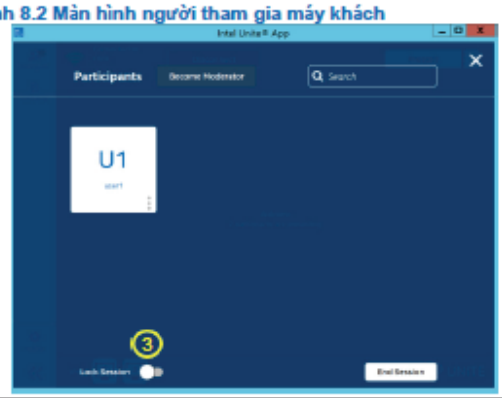	3. Nhấp nút chuyển **Lock Session (Khóa phiên)** để khóa cuộc họp. Khóa này sẽ chuyển từ màu xám sang xanh lục. Khi cuộc họp bị khóa thì không có thêm người dùng nào có thể tham gia cuộc họp.

9 Ngắt kết nối

Hình 9.1 Màn hình kết nối máy khách 	1. Kết nối với hub. Tham khảo Kết nối để biết thêm chi tiết. 2. Nhấp biểu tượng **Participants (Người tham gia)**.
Hình 9.2 Màn hình người tham gia máy khách 	3. Nhấp **ba chấm** ở phía dưới - góc bên phải người dùng để mở các thao tác người dùng.
Hình 9.3 Tùy chọn màn hình người tham gia máy khách - người dùng 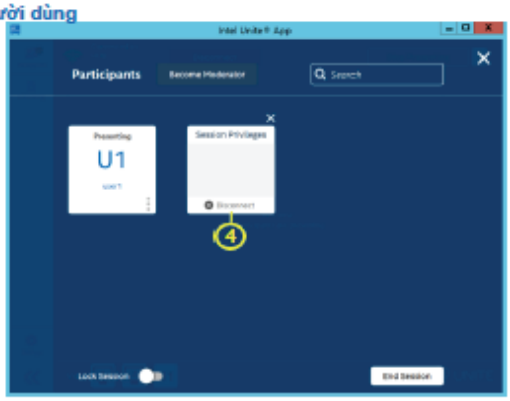	4. Nhấp **Disconnect (Ngắt kết nối)** để ngắt kết nối người dùng.

6. Thông số kỹ thuật

Các cổng vào/ra (IO)		1 cổng màn hình 1 cổng HDMI 1 cổng VGA 1 cổng LAN 2 USB 2.0 (5V/0.5A) 4 USB 3.0 (5V/0.9A) 1 USB type C 1 cổng tai nghe 1 cổng micro
Nguồn điện		100V-240V AC 50/60HZ
Điều kiện hoạt động	Nhiệt độ Độ ẩm Độ cao	32°F - 113°F (0°C - 45°C) 10% ~ 90% không ngưng tụ 0 mét tới trên 5000 mét so với mực nước biển
Điều kiện bảo quản	Nhiệt độ Độ ẩm Độ cao	-4°F - 140°F (-20°C - 60°C) 10% ~ 90% không ngưng tụ 0 mét tới trên 5000 mét so với mực nước biển
Kích thước	Thực(mm)	246.1 x 263.4 x 32.2
Trọng lượng	Thực(kg)	1.95
Tiêu thụ điện năng		95W
Dải tần số và công suất đầu ra (Tối đa)		2402 đến 2480 MHz(BT) 2.0 dBm 2402 đến 2480 MHz(LE) 3.73 dBm 2412 đến 2472 MHz 17.41 dBm 5150 đến 5250 MHz 18.94 dBm 5250 đến 5350 MHz 18.94 dBm 5470 đến 5725 MHz 18.94 dBm

7. Hỗ trợ khách hàng

Để được hỗ trợ kỹ thuật hoặc dịch vụ sản phẩm, hãy xem bảng dưới đây hoặc liên hệ với người bán lại của bạn.
ghi chú: Bạn sẽ cần số sản phẩm.

Quoác gia/ Khu vöïc	Website	Ñieän thoaïi	Email
Việt Nam	ap.viewsonic.com/vn/	Lieân heä ñaïi lyù baùn haøng cuûa baïn	service@ap.viewsonic.com

ViewSonic®